

KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN KHOA HỌC LỚP 5

* Môn học, hoạt động giáo dục: Môn Khoa học

Cả năm học: 35 tuần x 2 tiết = 70 tiết; gồm 63 tiết bài học và 7 tiết ôn tập, kiểm tra đánh giá.

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
1	Chủ đề 1: CHẤT	Bài 1: THÀNH PHẦN VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẤT ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG (tiết 1)	1	2 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS sử dụng Google Search hoặc Microsoft Edge để tìm và xem video thí nghiệm về thành phần không khí, nước trong đất; đối chiếu tư liệu số với kết quả thực hành tại lớp.	
		Bài 1: THÀNH PHẦN VÀ VAI TRÒ CỦA ĐẤT ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG (tiết 2)	2		Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: HS biết đất giữ nước, cung cấp nước cho cây; có ý thức không đổ rác, hóa chất, nước bẩn xuống đất để tránh làm ô nhiễm nguồn nước ngầm.	
2		Bài 2: Ô NHIỄM, XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (tiết 1)	3	3 tiết	Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS sử dụng Canva hoặc PowerPoint để thiết kế poster số kêu gọi các biện pháp bảo vệ môi trường đất tại địa phương.	
		Bài 2: Ô NHIỄM, XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (tiết 2)	4		Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: HS nhận biết rác thải, phân bón hóa học, thuốc trừ sâu có thể thấm xuống đất và làm ô nhiễm nguồn nước; biết tuyên truyền không xả rác, không đổ hóa chất ra môi trường.	
3		Bài 2: Ô NHIỄM, XÓI MÒN ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT (tiết 3)	5	2 tiết	Tích hợp AI 5.A2.2: HS xem hình ảnh hoặc clip về robot lấy mẫu đất, cảm biến độ ẩm đất, cảm biến dinh dưỡng đất để hiểu AI hỗ trợ cảnh báo ô nhiễm, xói mòn đất.	
		Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (tiết 1)	6		Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS sử dụng Camera trên điện thoại hoặc máy tính bảng chụp các bước tách muối khỏi nước; dùng Markup hoặc PowerPoint để chú thích từng bước thực hiện.	
4		Bài 3: HỖN HỢP VÀ DUNG DỊCH (tiết 2)	7	2 tiết	Bài học STEM: Tách muối ra khỏi dung dịch	
		Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ. SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA	8		Tích hợp AI 5.C4.1: HS dùng Scratch hoặc phiếu lệnh mô phỏng cấu trúc “nếu... thì...”, ví dụ: nếu nhiệt độ dưới 0°C thì nước lỏng chuyển thành nước đá.	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
5		CHẤT (Tiết 1)	9	2 tiết		
		Bài 4: ĐẶC ĐIỂM CỦA CHẤT Ở TRẠNG THÁI RẮN, LỎNG, KHÍ. SỰ BIẾN ĐỔI TRẠNG THÁI CỦA CHẤT (Tiết 2)				
		Bài 5: SỰ BIẾN ĐỔI HOÁ HỌC CỦA CHẤT (tiết 1)	10		Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS xem video thí nghiệm an toàn trên YouTube Kids hoặc học liệu NXB Giáo dục về giấy cháy, đinh gỉ, đường bị đun nóng để nhận biết dấu hiệu biến đổi hoá học.	
6		Bài 5: SỰ BIẾN ĐỔI HOÁ HỌC CỦA CHẤT (tiết 2)	11	1 tiết	Bài học STEM: Biến đổi chất	
		Bài 6: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CHẤT	12		Tích hợp AI 5.D1.1: HS dùng Canva Whiteboard hoặc PowerPoint SmartArt lập sơ đồ dữ liệu “đất - hỗn hợp - dung dịch - biến đổi trạng thái - biến đổi hoá học”, mô tả cách “dạy” AI phân loại chất.	
7	Chủ đề 2: NĂNG LƯỢNG	Bài 7: VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (Tiết 1)	13	2 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS sử dụng Google Search hoặc Microsoft Edge tìm hình ảnh, video về các nguồn năng lượng trong đời sống, sản xuất và học tập.	
		Bài 7: VAI TRÒ CỦA NĂNG LƯỢNG (Tiết 2)	14		Tích hợp AI 5.A2.2: HS xem clip hoặc hình ảnh về nhà thông minh Google Home/Amazon Alexa hoặc lưới điện thông minh để biết AI giúp điều tiết, tiết kiệm năng lượng.	
8		Bài 8: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN (Tiết 1)	15	2 tiết	Tích hợp NLS 1.2.CB2a: HS tra cứu quy tắc an toàn điện trên website EVN hoặc website giáo dục .edu.vn; biết nhận diện thông tin tin cậy và tóm tắt lưu ý quan trọng.	
		Bài 8: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG ĐIỆN (Tiết 2)	16		Tích hợp AI 5.A1.1: HS xem clip về drone hoặc robot kiểm tra đường dây điện cao thế để hiểu AI, robot có thể thay con người làm việc nguy hiểm.	
9		Bài 9: MẠCH ĐIỆN ĐƠN GIẢN. VẬT DẪN ĐIỆN VÀ VẬT CÁCH	17	2 tiết	Tích hợp NLS 4.3.CB2a: HS sử dụng mô phỏng PhET Circuit Construction Kit để quan sát mạch điện đơn giản, vật dẫn điện	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
		ĐIỆN (tiết 1)			và vật cách điện trong môi trường số an toàn.	
		Bài 9: MẠCH ĐIỆN ĐƠN GIẢN. VẬT DẪN ĐIỆN VÀ VẬT CÁCH ĐIỆN (tiết 2)	18		Bài học STEM: Mạch điện đơn giản	
10	ÔN TẬP KIỂM TRA	Ôn tập giữa HKI	19	1 tiết		
	Chủ đề 2: NĂNG LƯỢNG	Bài 10: NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐÓT (tiết 1)	20	2 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS dùng Google Search hoặc Microsoft Edge tìm hình ảnh bếp gas, bếp than, xăng dầu và cách sử dụng an toàn, tiết kiệm.	
11		Bài 10: NĂNG LƯỢNG CHẤT ĐÓT (tiết 2)	21		Tích hợp AI 5.A1.1: HS quan sát cảm biến khói, cảm biến gas thông minh qua ứng dụng Smart Life hoặc Tuya Smart để hiểu thiết bị có thể cảnh báo rò rỉ gas, khói, cháy.	
		Bài 11: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, NĂNG LƯỢNG GIÓ, NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY (Tiết 1)	22	3 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS dùng Google Earth tìm vị trí cánh đồng điện gió hoặc khu điện mặt trời ở Việt Nam.	
12		Bài 11: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, NĂNG LƯỢNG GIÓ, NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY (Tiết 2)	23		Tích hợp AI 5.A2.2: HS xem minh họa Windy hoặc Google Weather để hiểu AI dự báo nắng, gió, lượng mưa, dòng chảy hỗ trợ sản xuất năng lượng tái tạo.	
		Bài 11: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG MẶT TRỜI, NĂNG LƯỢNG GIÓ, NĂNG LƯỢNG NƯỚC CHẢY (Tiết 3)	24		Bài học STEM: Mô hình thuyền buồm	
13		Bài 12: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ NĂNG LƯỢNG	25	1 tiết	Tích hợp NLS 3.1.CB2a: HS dùng PowerPoint SmartArt hoặc Canva Mind Map lập sơ đồ ôn tập chủ đề Năng lượng.	
	Chủ đề 3: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	Bài 13: SINH SẢN CỦA THỰC VẬT CÓ HOA (Tiết 1)	26	2 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS dùng Google Images tìm hình ảnh hoa, quả, hạt phục vụ bài Sinh sản của thực vật có hoa.	
14		Bài 13: SINH SẢN CỦA THỰC VẬT	27		Tích hợp AI 5.C4.2: HS dùng Google Teachable Machine	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
15		CÓ HOA (Tiết 2)			hoặc Google Lens nhận diện hình ảnh hoa, quả, hạt; sau đó kiểm tra lại bằng kiến thức SGK.	
		Bài 14: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY CON (Tiết 1)	28	3 tiết	Tích hợp NLS 1.3.CB2a: HS dùng Microsoft Excel hoặc Google Sheets lập bảng theo dõi chiều cao, số lá của cây.	
		Bài 14: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY CON (Tiết 2)	29		Tích hợp AI 5.D2.1: HS chụp ảnh cây bằng Camera điện thoại hoặc máy tính bảng, lưu vào Google Drive, sắp xếp ảnh theo thời gian để hiểu AI cần dữ liệu cập nhật.	
		Bài 14: SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÂY CON (Tiết 3)	30			
16		Bài 15: SINH SẢN CỦA ĐỘNG VẬT (Tiết 1)	31	2 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS dùng Google Images hoặc YouTube Kids tìm hình ảnh, video động vật đẻ trứng, đẻ con.	
		Bài 15: SINH SẢN CỦA ĐỘNG VẬT (Tiết 2)	32		Tích hợp AI 5.C4.2: HS dùng Google Lens nhận diện hình ảnh động vật và phân nhóm đẻ trứng, đẻ con dưới sự hướng dẫn của GV.	
17		Bài 16: VÒNG ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỘNG VẬT (Tiết 1)	33	2 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS xem video vòng đời bướm, ếch, gà trên YouTube Kids hoặc học liệu NXB Giáo dục.	
		Bài 16: VÒNG ĐỜI VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA ĐỘNG VẬT (Tiết 2)	34		Tích hợp AI 5.B3.1: HS dùng ảnh mẫu trong Google Lens để nhận diện giai đoạn vòng đời, thảo luận vì sao AI có thể nhầm nòng nọc với cá.	
18	ÔN TẬP KIỂM TRA	ÔN TẬP CUỐI HKI	35	1 tiết		
		KIỂM TRA CUỐI HKI	36	1 tiết		
19	Chủ đề 3: THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	Bài 17: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	37	1 tiết	Tích hợp AI 5.D1.1: HS dùng Google Drive và Canva Whiteboard sắp xếp ảnh cây con, động vật đẻ trứng, động vật đẻ con, vòng đời động vật thành nhóm dữ liệu để “dạy” AI giả định.	
	Chủ đề 4: VI KHUẨN	Bài 18: VI KHUẨN XUNG QUANH CHÚNG TA (Tiết 1)	38	2 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2b: HS dùng Google Images tìm hình ảnh vi khuẩn dưới kính hiển vi.	
20		Bài 18: VI KHUẨN XUNG QUANH CHÚNG TA (Tiết 2)	39		Tích hợp KNS: HS biết rửa tay đúng lúc, đúng cách để phòng tránh vi khuẩn có hại.	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
		Bài 19: VI KHUẨN CÓ ÍCH TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (Tiết 1)	40	2 tiết	Tích hợp AI 5.A2.2: HS quan sát minh họa AI hỗ trợ bác sĩ hoặc nhà khoa học phân tích ảnh kính hiển vi để nhận biết vi khuẩn.	
21		Bài 19: VI KHUẨN CÓ ÍCH TRONG CHẾ BIẾN THỰC PHẨM (Tiết 2)	41		Bài học STEM: Vi khuẩn có ích trong chế biến thực phẩm	
		Bài 20: VI KHUẨN GÂY BỆNH Ở NGƯỜI VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH (tiết 1)	42	2 tiết	Tích hợp NLS 4.3.CB2a: HS xem video phòng bệnh trên website Bộ Y tế, kênh YouTube Sức khỏe Việt Nam hoặc học liệu GV cung cấp; không tự ý tìm nguồn chưa kiểm chứng.	
22		Bài 20: VI KHUẨN GÂY BỆNH Ở NGƯỜI VÀ CÁCH PHÒNG TRÁNH (tiết 2)	43		Tích hợp quyền con người: HS hiểu quyền được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe; biết thực hiện vệ sinh cá nhân và phòng bệnh cho bản thân, cộng đồng.	
		Bài 21: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ VI KHUẨN	44	1 tiết	Tích hợp AI 5.A2.2: HS dùng hình ảnh mẫu trong Google Images hoặc PowerPoint để thảo luận AI có thể hỗ trợ phân tích hình ảnh vi khuẩn nhưng cần kiểm chứng.	
23	Chủ đề 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE	Bài 22: SỰ HÌNH THÀNH CƠ THỂ NGƯỜI (tiết 1)	45	2 tiết	Tích hợp NLS 4.3.CB2a: HS tìm hiểu sự hình thành cơ thể người từ video hoặc học liệu GV gửi trên Google Drive/PowerPoint; không chia sẻ thông tin riêng tư.	
		Bài 22: SỰ HÌNH THÀNH CƠ THỂ NGƯỜI (tiết 2)	46		Tích hợp NLS 4.3.CB2a: HS dùng Google Drive hoặc Google Classroom nhận học liệu do GV cung cấp; không tự tìm kiếm hình ảnh nhạy cảm, không gửi thông tin cá nhân trên mạng.	
24		Bài 23: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CHÍNH CỦA CON NGƯỜI (Tiết 1)	47	3 tiết	Tích hợp quyền con người: HS hiểu mỗi người có quyền được tôn trọng trong từng giai đoạn phát triển; không trêu chọc sự khác biệt về ngoại hình, giới tính, tốc độ lớn lên.	
		Bài 23: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CHÍNH CỦA CON NGƯỜI (Tiết 2)	48		Tích hợp KNS: HS biết chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi, biết chia sẻ với người lớn đáng tin cậy khi có thay đổi về cơ thể, tâm lí.	
25		Bài 23: CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CHÍNH CỦA CON NGƯỜI (Tiết 3)	49		Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS quan sát tranh, video học liệu GV chọn trên PowerPoint hoặc Google Drive về các giai đoạn phát triển của con người.	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
		Bài 24: NAM VÀ NỮ (Tiết 1)	50	2 tiết	Tích hợp NLS 2.1.CB2a: HS thực hành lựa chọn Zalo nhóm lớp hoặc Email để trao đổi bài tập nhóm lịch sự giữa bạn nam và bạn nữ.	
26		Bài 24: NAM VÀ NỮ (Tiết 2)	51		Tích hợp AI 5.B1.1: HS thảo luận tình huống với chatbot mô phỏng trên PowerPoint: nếu robot chỉ chào bạn nam mà bỏ qua bạn nữ thì AI đó chưa công bằng.	
27		Bài 25: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ (tiết 1)	52	3 tiết	Tích hợp NLS 1.1.CB2a: HS dùng website Bộ Y tế, website trường học hoặc học liệu Google Drive của GV để tìm thông tin chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì.	
		Bài 25: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ (tiết 2)	53		Tích hợp AI 5.A3.1: HS đặt câu hỏi mẫu cho ChatGPT, Gemini hoặc Copilot dưới sự hướng dẫn của GV; không nhập tên thật, địa chỉ, ảnh cá nhân.	
		Bài 25: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ (tiết 3)	54		Tích hợp quyền con người: HS hiểu quyền được chăm sóc sức khỏe, được cung cấp kiến thức phù hợp và được tôn trọng sự riêng tư ở tuổi dậy thì.	
28	ÔN TẬP KIỂM TRA	Ôn tập giữa HKII	55	1 tiết		
		Kiểm tra giữa HKII	56	1 tiết		
29	Chủ đề 5: CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	Bài 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (tiết 1)	57	4 tiết	Tích hợp NLS 4.3.CB2a: HS xem video an toàn số trên YouTube Kids, website Tổng đài 111 hoặc học liệu GV cung cấp để nhận diện rủi ro từ người lạ trên mạng.	
Bài 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (tiết 2)		58	Tích hợp AI 5.A3.1: HS xử lý tình huống chatbot lạ trên ChatGPT hoặc Gemini mô phỏng yêu cầu gửi ảnh cá nhân.			
30		Bài 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (tiết 3)	59		Tích hợp NLS 4.3.CB2a: HS thực hành trên PowerPoint hoặc Google Forms chọn cách phản hồi khi người lạ nhắn tin xin ảnh, địa chỉ, số điện thoại.	
		Bài 26: PHÒNG TRÁNH BỊ XÂM HẠI (tiết 4)	60		Tích hợp quyền con người: HS biết quyền được bảo vệ thân thể, danh dự, nhân phẩm và sự riêng tư; biết tìm người tin cậy để được giúp đỡ.	
31		Bài 27: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ CON	61	1 tiết	Tích hợp AI 5.A3.1: HS đọc một lời khuyên sức khỏe do	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
		NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ			ChatGPT, Gemini hoặc Copilot gợi ý, rồi đối chiếu SGK và học liệu của Bộ Y tế.	
		Bài 28: CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT (TIẾT 1)	62		Tích hợp NLS 4.4.CB2a: HS dùng Google Earth hoặc Google Maps quan sát rừng, sông, hồ, khu dân cư để nhận biết môi trường sống của sinh vật.	
		Bài 28: CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT (TIẾT 2)	63		Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: HS hiểu nước là điều kiện sống quan trọng của sinh vật; biết sử dụng nước tiết kiệm, không xả rác, dầu mỡ, hóa chất xuống ao, hồ, sông, suối.	
32		Bài 28: CHỨC NĂNG CỦA MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI SINH VẬT (TIẾT 3)	64	3 tiết	Tích hợp bảo vệ môi trường: HS biết giữ gìn môi trường sống cho sinh vật bằng việc trồng cây, phân loại rác, không phá nơi ở của động vật. Tích hợp AI 5.A2.2: HS xem clip hoặc hình ảnh về thiết bị AI nghe âm thanh rừng, camera bẫy ảnh AI, cảm biến quan trắc nước để nhận biết AI hỗ trợ theo dõi môi trường.	
	Chủ đề 6: SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG	Bài 29: TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Tiết 1)	65		Tích hợp NLS 5.2.CB2a: HS dùng Google Search hoặc Microsoft Edge tìm giải pháp công nghệ như robot dọn rác, cảm biến quan trắc nước, drone giám sát rừng.	
33		Bài 29: TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Tiết 2)	66	3 tiết	Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: HS nhận biết hoạt động của con người có thể làm ô nhiễm nước; đề xuất việc không xả rác xuống kênh rạch, tiết kiệm nước, thu gom rác đúng nơi quy định.	
		Bài 29: TÁC ĐỘNG CỦA CON NGƯỜI VÀ MỘT SỐ BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (Tiết 3)	67		Tích hợp AI 5.A1.1: HS dùng Canva hoặc PowerPoint phác thảo ý tưởng robot AI thu gom rác trên mặt biển, công rãnh; nêu cảm biến cần có như camera, cảm biến vật cản, cảm biến mực nước.	
34		Bài 30: ÔN TẬP CHỦ ĐỀ SINH VẬT VÀ MÔI TRƯỜNG	68	1 tiết	Tích hợp NLS 4.4.CB2a: HS dùng Canva Mind Map hoặc PowerPoint SmartArt hệ thống hóa kiến thức chủ đề Sinh vật và môi trường.	
35	ÔN TẬP KIỂM TRA	Ôn tập cuối năm	69	1 tiết	Tích hợp tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước: HS vận dụng kiến thức đã học để nêu việc làm bảo vệ nguồn nước ở gia đình,	

Tuần, tháng	Chương trình và sách giáo khoa				Nội dung điều chỉnh, bổ sung (nếu có)	Ghi chú
	Chủ đề/Mạch nội dung	Tên bài học	Tiết theo KHM H	Thời lượng		
					trường học, địa phương.	
		Kiểm tra cuối năm	70	1 tiết		

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN	GIÁO VIÊN
----------------------	-----------